

Phụ Lục Hướng Dẫn Cho Nhà Cung Cấp Dịch Vụ Trông Trẻ Ban Ngày Liên Quan Đến Việc Làm



Phụ Lục Hướng Dẫn Cho Nhà Cung Cấp này trình bày về khoản tăng trong biểu phí của nhà cung cấp dịch vụ chăm sóc trẻ em theo chương trình Trông Trẻ Ban Ngày Liên Quan Đến Việc Làm (ERDC) có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026. Phụ lục này cũng bao gồm thông tin về Mức Phí Nâng Cao, liên kết mới để đăng ký Mức Phí Nâng Cao, bản cập nhật từng được chia sẻ trước đây của mẫu đơn Thanh Toán Bổ Sung 9% của ERDC và quy trình yêu cầu có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2024.

- ♦ **Lưu ý quan trọng:** Mức phí của các nhà cung cấp Gia Đình Nâng Cao (QFM) và Gia Đình (FAM) không yêu cầu giấy phép không tăng. Xin vui lòng lưu ý thông báo sắp tới với mức phí cập nhật sau khi biểu phí hoàn thiện. Mức tăng phí trong phụ lục này chỉ áp dụng cho các trung tâm (CNT, QEC và NQC) và nhà cung cấp dịch vụ chăm sóc trẻ em là gia đình có giấy phép (RFM và CFM).

Mức tăng phí tối đa của ERDC kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026

- Biểu phí mới áp dụng cho dịch vụ chăm sóc trẻ em được cung cấp từ tháng 1 năm 2026 trở đi.
- Các nhà cung cấp không thể tính phí cho các gia đình ERDC cao hơn mức họ tính phí cho các gia đình tự chi trả.
- Lưu ý rằng ERDC không thể chi trả học phí trường tư thục.

Định nghĩa về loại nhà cung cấp và nhóm độ tuổi trẻ em được sử dụng trong biểu phí	
Trẻ sơ sinh	Trẻ sơ sinh cho đến 11 tháng tuổi đối với dịch vụ chăm sóc không yêu cầu giấy phép Trẻ sơ sinh 6 tuần tuổi cho đến 23 tháng tuổi đối với dịch vụ chăm sóc Gia Đình Đã Ghi Danh hoặc Đã Chứng Nhận
Trẻ tập đi	1 tuổi (12 tháng tuổi) cho đến hết 2 tuổi đối với dịch vụ chăm sóc không yêu cầu giấy phép 2 tuổi đối với dịch vụ chăm sóc Gia Đình Đã Ghi Danh hoặc Đã Chứng Nhận
Trẻ Mẫu Giáo	3 tuổi đến 5 tuổi đối với dịch vụ chăm sóc có giấy phép và không yêu cầu giấy phép
Trẻ Ở Độ Tuổi Đi Học	6 tuổi trở lên đối với dịch vụ chăm sóc có giấy phép và không yêu cầu giấy phép
Nhu Cầu Đặc Biệt	Trẻ em từ sơ sinh đến hết 18 tuổi cần dịch vụ chăm sóc có phí cao hơn do khuyết tật về thể chất, hành vi hoặc tâm thần
Lưu ý: Trừ khi trẻ có hoàn cảnh đặc biệt, ERDC chỉ chi trả dịch vụ chăm sóc trẻ em cho đến hết 12 tuổi. Khi sang tuổi 13, trẻ vẫn có tên trong biểu mẫu thanh toán cho đến hết thời hạn chứng nhận.	



Định Nghĩa Loại Nhà Cung Cấp

Loại Nhà Cung Cấp:	Quý Vị Sẽ Nhận Được:
FAM	Gia Đình Tiêu Chuẩn 
NQC	Trung Tâm Tiêu Chuẩn 
QFM	Gia Đình Nâng Cao 
QEC	Trung Tâm Nâng Cao 
RFM	Gia Đình Đã Đăng Ký 
CFM	Gia Đình Đã Chứng Nhận 
CNT	Trung Tâm Đã Chứng Nhận 

 Không yêu Cầu Giấy Phép  Có Giấy Phép Của CCLD

Mức Phí Khu Vực A

	Mức Phí Gia Đình Tiêu Chuẩn (FAM)		Mức Phí Trung Tâm Tiêu Chuẩn (NQC)	
	1–157	158–215	1–157	158–215
	Hàng giờ	Hàng tháng	Hàng giờ	Hàng tháng
Trẻ sơ sinh	\$6,30	\$1041	\$9,00	\$1562
Trẻ tập đi	\$5,70	\$945	\$11,00	\$1490
Trẻ Mẫu Giáo	\$5,40	\$870	\$8,25	\$1173
Trẻ Ở Độ Tuổi Đi Học	\$5,10	\$780	\$8,00	\$1189
Nhu cầu đặc biệt	\$6,30	\$1041	\$9,00	\$1562

Mức tối đa của phí tiêu chuẩn (không yêu cầu giấy phép)

	Mức Phí Gia Đình Nâng Cao (QFM)			Mức Phí Trung Tâm Nâng Cao (QEC)		
	1–62	63–135	136–215	1–62	63–135	136–215
	Hàng giờ	Bán thời gian	Hàng tháng	Hàng giờ	Bán thời gian	Hàng tháng
Trẻ sơ sinh	\$6,65	\$824	\$1099	\$10,20	\$1328	\$1770
Trẻ tập đi	\$6,01	\$748	\$998	\$12,47	\$1267	\$1689
Trẻ Mẫu Giáo	\$5,70	\$689	\$919	\$9,35	\$997	\$1329
Trẻ Ở Độ Tuổi Đi Học	\$5,39	\$618	\$824	\$9,07	\$1010	\$1347
Nhu cầu đặc biệt	\$6,65	\$824	\$1099	\$10,20	\$1328	\$1770

Mức tối đa của phí nâng cao (không yêu cầu giấy phép)

	Mức Phí Gia Đình Đã Đăng Ký (RFM)			Mức Phí Gia Đình Đã Chứng Nhận (CFM)			Mức Phí Trung Tâm Đã Chứng Nhận (CNT)		
	1–62	63–135	136–215	1–62	63–135	136–215	1–62	63–135	136–215
	Hàng giờ	Bán thời gian	Hàng tháng	Hàng giờ	Bán thời gian	Hàng tháng	Hàng giờ	Bán thời gian	Hàng tháng
Trẻ sơ sinh	\$7,22	\$925	\$1233,33	\$9,33	\$1373	\$1831	\$12,00	\$1562	\$2083
Trẻ tập đi	\$6,55	\$850	\$1133,33	\$8,58	\$1256	\$1675	\$14,67	\$1490	\$1987
Trẻ Mẫu Giáo	\$6,00	\$775	\$1033,33	\$8,50	\$1108	\$1477,33	\$11,00	\$1172	\$1563
Trẻ Ở Độ Tuổi Đi Học	\$6,33	\$700	\$933,33	\$7,67	\$863	\$1150	\$10,67	\$1189	\$1585
Nhu cầu đặc biệt	\$7,22	\$925	\$1233,33	\$9,33	\$1373	\$1831	\$12,00	\$1562	\$2083

Mức tối đa của biểu phí nhà cung cấp có giấy phép

Mã vùng cho Mức Phí Khu Vực A:

Các khu vực Portland, Eugene, Corvallis, Bend, Monmouth và Ashland

97003	97004	97005	97006	97007	97008	97009	97010	97013	97014	97015	97019
97022	97023	97024	97027	97028	97030	97031	97034	97035	97036	97041	97045
97051	97055	97056	97060	97062	97064	97068	97070	97078	97080	97086	97089
97106	97109	97112	97113	97116	97119	97123	97124	97125	97132	97133	97135
97140	97149	97201	97202	97203	97204	97205	97206	97209	97210	97211	97212
97213	97214	97215	97216	97217	97218	97219	97220	97221	97222	97223	97224
97225	97227	97229	97230	97231	97232	97233	97236	97239	97242	97258	97266
97267	97268	97286	97292	97330	97331	97333	97339	97351	97361	97371	97376
97401	97402	97403	97404	97405	97408	97454	97455	97477	97478	97482	97520
97525	97701	97702	97703	97707	97708	97709					

Mức Phí Khu Vực B

	Mức Phí Gia Đình Tiêu Chuẩn (FAM)		Mức Phí Trung Tâm Tiêu Chuẩn (NQC)	
	1–157	158–215	1–157	158-215
	Hàng giờ	Hàng tháng	Hàng giờ	Hàng tháng
Trẻ sơ sinh	\$4,20	\$750	\$6,56	\$1125
Trẻ tập đi	\$3,90	\$705	\$4,94	\$994
Trẻ Mẫu Giáo	\$3,75	\$691	\$7,13	\$782
Trẻ Ở Độ Tuổi Đi Học	\$3,90	\$647	\$4,31	\$600
Nhu cầu đặc biệt	\$4,20	\$750	\$6,56	\$1125

Mức tối đa của phí tiêu chuẩn (không yêu cầu giấy phép)

	Mức Phí Gia Đình Nâng Cao (QFM)			Mức Phí Trung Tâm Nâng Cao (QEC)		
	1–62	63–135	136–215	1–62	63–135	136–215
	Hàng giờ	Bán thời gian	Hàng tháng	Hàng giờ	Bán thời gian	Hàng tháng
Trẻ sơ sinh	\$4,44	\$594	\$791	\$7,44	\$956	\$1275
Trẻ tập đi	\$4,11	\$558	\$744	\$5,59	\$845	\$1126
Trẻ Mẫu Giáo	\$4,11	\$547	\$730	\$8,08	\$665	\$887
Trẻ Ở Độ Tuổi Đi Học	\$4,11	\$512	\$683	\$4,48	\$510	\$680
Nhu cầu đặc biệt	\$4,44	\$594	\$791	\$7,44	\$956	\$1275

Mức tối đa của phí nâng cao (không yêu cầu giấy phép)

	Mức Phí Gia Đình Đã Đăng Ký (RFM)			Mức Phí Gia Đình Đã Chứng Nhận (CFM)			Mức Phí Trung Tâm Đã Chứng Nhận (CNT)		
	1–62	63–135	136–215	1–62	63–135	136–215	1–62	63–135	136–215
	Hàng giờ	Bán thời gian	Hàng tháng	Hàng giờ	Bán thời gian	Hàng tháng	Hàng giờ	Bán thời gian	Hàng tháng
Trẻ sơ sinh	\$5,50	\$713	\$950	\$6,00	\$956	\$1275	\$7,75	\$1125	\$1500
Trẻ tập đi	\$5,25	\$656	\$875	\$5,50	\$833	\$1110	\$6,58	\$994	\$1325
Trẻ Mẫu Giáo	\$5,00	\$625	\$833	\$6,00	\$788	\$1050	\$9,50	\$782	\$1043
Trẻ Ở Độ Tuổi Đi Học	\$6,00	\$600	\$800	\$5,83	\$675	\$900	\$5,75	\$600	\$800
Nhu cầu đặc biệt	\$5,50	\$713	\$950	\$6,00	\$956	\$1275	\$7,75	\$1125	\$1500

Mức tối đa của biểu phí nhà cung cấp có giấy phép

Mã Vùng Cho Mức Phí Khu Vực B:

Các khu vực Portland, Eugene, Corvallis, Bend, Monmouth và Ashland

97002	97011	97016	97017	97018	97038	97042	97044	97048	97049	97053	97058
97067	97071	97103	97107	97108	97110	97111	97114	97115	97117	97118	97121
97122	97127	97128	97131	97134	97138	97141	97143	97146	97148	97301	97302
97303	97304	97305	97306	97307	97309	97310	97317	97321	97322	97325	97326
97327	97328	97336	97338	97341	97343	97344	97348	97352	97353	97355	97357
97362	97365	97366	97367	97370	97372	97374	97377	97378	97380	97381	97383
97385	97386	97389	97391	97392	97394	97415	97420	97423	97424	97426	97431
97444	97446	97448	97452	97456	97457	97459	97465	97470	97471	97479	97487
97489	97501	97502	97503	97504	97524	97534	97535	97756	97759	97760	97801
97812	97813										

Mức Phí Khu Vực C

	Mức Phí Gia Đình Tiêu Chuẩn (FAM)		Mức Phí Trung Tâm Tiêu Chuẩn (NQC)	
	1–157	158–215	1–157	158–215
	Hàng giờ	Hàng tháng	Hàng giờ	Hàng tháng
Trẻ sơ sinh	\$4,20	\$750	\$6,56	\$1125
Trẻ tập đi	\$3,90	\$705	\$4,94	\$994
Trẻ Mẫu Giáo	\$3,75	\$691	\$7,13	\$782
Trẻ Ở Độ Tuổi Đi Học	\$3,90	\$647	\$4,31	\$600
Nhu cầu đặc biệt	\$4,20	\$750	\$6,56	\$1125

Mức tối đa của phí tiêu chuẩn (không yêu cầu giấy phép)

	Mức Phí Gia Đình Nâng Cao (QFM)			Mức Phí Trung Tâm Nâng Cao (QEC)		
	1–62	63–135	136–215	1–62	63–135	136–215
	Hàng giờ	Bán thời gian	Hàng tháng	Hàng giờ	Bán thời gian	Hàng tháng
Trẻ sơ sinh	\$4,44	\$594	\$791	\$7,44	\$956	\$1275
Trẻ tập đi	\$4,11	\$558	\$744	\$5,59	\$845	\$1126
Trẻ Mẫu Giáo	\$4,11	\$547	\$730	\$8,08	\$665	\$887
Trẻ Ở Độ Tuổi Đi Học	\$4,11	\$512	\$683	\$4,48	\$510	\$680
Nhu cầu đặc biệt	\$4,44	\$594	\$791	\$7,44	\$956	\$1275

Mức tối đa của phí nâng cao (không yêu cầu giấy phép)

	Mức Phí Gia Đình Đã Đăng Ký (RFM)			Mức Phí Gia Đình Đã Chứng Nhận (CFM)			Mức Phí Trung Tâm Đã Chứng Nhận (CNT)		
	1–62	63–135	136–215	1–62	63–135	136–215	1–62	63–135	136–215
	Hàng giờ	Bán thời gian	Hàng tháng	Hàng giờ	Bán thời gian	Hàng tháng	Hàng giờ	Bán thời gian	Hàng tháng
Trẻ sơ sinh	\$5,50	\$713	\$950	\$6,00	\$956	\$1275	\$7,75	\$1125	\$1500
Trẻ tập đi	\$5,25	\$656	\$875	\$5,50	\$833	\$1110	\$6,58	\$994	\$1325
Trẻ Mẫu Giáo	\$5,00	\$625	\$833	\$6,00	\$788	\$1050	\$9,50	\$782	\$1043
Trẻ Ở Độ Tuổi Đi Học	\$6,00	\$600	\$800	\$5,83	\$675	\$900	\$5,75	\$600	\$800
Nhu cầu đặc biệt	\$5,50	\$713	\$950	\$6,00	\$956	\$1275	\$7,75	\$1125	\$1500

Mức tối đa của biểu phí nhà cung cấp có giấy phép

Mã Vùng Cho Mức Phí Khu Vực C:

Các khu vực Portland, Eugene, Corvallis, Bend, Monmouth và Ashland

97001	97020	97021	97026	97029	97032	97033	97037	97039	97040	97050	97054
97057	97063	97065	97101	97102	97130	97136	97137	97144	97145	97147	97324
97329	97335	97342	97345	97346	97347	97350	97358	97359	97360	97364	97368
97369	97375	97384	97388	97390	97396	97406	97407	97409	97410	97411	97412
97413	97414	97416	97417	97419	97425	97427	97428	97429	97430	97432	97433
97434	97435	97436	97437	97438	97439	97441	97442	97443	97447	97449	97450
97451	97453	97458	97460	97461	97462	97463	97464	97466	97467	97468	97469
97472	97473	97476	97480	97481	97484	97486	97488	97490	97491	97492	97493
97494	97495	97496	97497	97498	97499	97522	97523	97526	97527	97530	97531
97532	97533	97536	97537	97538	97539	97540	97541	97543	97544	97601	97603
97604	97620	97621	97622	97623	97624	97625	97626	97627	97630	97632	97633
97634	97635	97636	97637	97638	97639	97640	97641	97710	97711	97712	97720
97721	97722	97730	97731	97732	97733	97734	97735	97736	97737	97738	97739
97740	97741	97742	97750	97751	97752	97753	97754	97758	97761	97810	97814
97817	97818	97819	97820	97821	97822	97823	97824	97825	97826	97827	97828
97830	97831	97833	97834	97835	97836	97837	97838	97839	97840	97841	97842
97843	97844	97845	97846	97848	97850	97856	97857	97859	97861	97862	97864
97865	97867	97868	97869	97870	97871	97872	97873	97874	97875	97876	97877
97880	97882	97883	97884	97885	97886	97901	97902	97903	97904	97905	97906
97907	97908	97909	97910	97911	97913	97914	97918	97919	97920		

Mức Phí Nâng Cao

Mức phí nâng cao là mức thanh toán cao hơn cho các nhà cung cấp ERDC không yêu cầu giấy phép. Họ đủ điều kiện hưởng mức phí nâng cao nếu được ghi danh trong Sổ Đăng Ký Oregon. Các nhà cung cấp có thể ghi danh vào Sổ Đăng Ký Oregon bằng cách tạo tài khoản và hoàn thành những đào tạo bắt buộc. Những đào tạo này sẽ được theo dõi trong tài khoản của nhà cung cấp. Sổ Đăng Ký Trực Tuyến Oregon (myORO) là nền tảng phát triển nghề nghiệp dành cho những chuyên gia giáo dục trẻ mẫu giáo, trong đó có các nhà cung cấp dịch vụ trông trẻ.

Để đủ điều kiện hưởng mức phí nâng cao:

- Hoàn thành các đào tạo theo yêu cầu:
 - Nhận Biết Và Báo Cáo Trường Hợp Bỏ Bê Và Lạm Dụng Trẻ Em (RRCAN)
 - Giới Thiệu Về An Toàn & Sức Khỏe Trong Cung Cấp Dịch Vụ Chăm Sóc Trẻ Em (ICCHS)
 - CPR Trẻ Sơ Sinh và Trẻ Em và Sơ Cứu
 - Chứng nhận Nhân Viên Xử Lý Thực Phẩm Oregon
- Tạo tài khoản trên myORO và gửi bằng chứng về các khóa học đã hoàn thành tại <https://my.oregonregistryonline.org>
- Điền vào đơn đăng ký Chương Trình Mức Phí Nâng Cao: www.pdx.edu/education-career-development/oregon-registry-educators.

Thanh toán bổ sung cho các khoản thanh toán ERDC bị xử lý muộn

Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2024, ERDC trả thêm 9% đối với khoản thanh toán bị xử lý trễ. Khoản thanh toán được coi là trễ trong các tình huống sau đây:

- **Đối Với Nhà Cung Cấp Tại Nhà:** Khoản thanh toán bị coi là trễ khi khi mẫu hóa đơn hoàn chỉnh và rõ ràng đã được xử lý quá bốn ngày làm việc tính từ ngày Đơn Vị Thanh Toán Trực Tiếp (DPU) nhận được hóa đơn đó.
- **Đối Với Nhà Cung Cấp Trung Tâm:** Khoản thanh toán bị coi là trễ khi khi mẫu hóa đơn hoàn chỉnh và rõ ràng đã được xử lý quá bảy ngày làm việc tính từ ngày DPU nhận được hóa đơn đó.

Nếu quý vị tin rằng mình đáp ứng tiêu chí trên, quý vị có thể gửi yêu cầu bằng mẫu đơn trên trang web Sở Chăm Sóc Trẻ Em và Giáo Dục Mầm Non (DELIC): <https://www.oregon.gov/delc/providers/pages/erdc-providers.aspx>

Quý vị phải đề xuất yêu cầu trong vòng 30 ngày kể từ khi nhận được thanh toán. Sau khi xem xét yêu cầu, DPU sẽ quyết định xem liệu một khoản thanh toán có bị trễ không và nếu có, sẽ thực hiện thanh toán bổ sung. Khoản thanh toán đó sẽ được thực hiện với phương thức giống như phương thức mà nhà cung cấp nhận tiền thanh toán ERDC thông thường, qua séc hoặc ghi có trực tiếp.

Kể từ **tháng 11 năm 2024**, sẽ có ba lựa chọn để gửi yêu cầu, và chúng tôi đã thêm phần chứng thực vào mẫu đơn yêu cầu Thanh Toán Bổ Sung 9% để người điền đơn ghi tên của mình.

Tùy Chọn:

- Nhà cung cấp có thể yêu cầu thanh toán bổ sung cho mình
- Nhà cung cấp có thể yêu cầu DPU hỗ trợ để gửi yêu cầu thanh toán bổ sung
 - DPU: 1-800-699-9074 hoặc customerservice.dpu@delc.oregon.gov
- Nhà cung cấp dịch vụ chăm sóc trẻ em diện Gia Đình Đã Có Giấy Phép (nhà cung cấp Gia Đình Đã Chứng Nhận hoặc Gia Đình Đã Đăng Ký) có thể yêu cầu Công Đoàn hỗ trợ để gửi yêu cầu thanh toán bổ sung.
 - Nếu quý vị là nhà cung cấp dịch vụ trông trẻ diện gia đình đã có giấy phép và có thắc mắc về các quyền Công Đoàn của mình liên quan đến Thanh Toán Bổ Sung 9%, bao gồm quyền yêu cầu Công Đoàn gửi khiếu nại thay cho mình, gửi kháng nghị hoặc quyền kháng nghị diện Công Đoàn nếu khiếu nại đối với Thanh Toán Bổ Sung 9% của quý vị bị từ chối, quý vị có thể liên hệ với đại diện Công Đoàn tại địa chỉ oregonccpt132.stewards@gmail.com.

Quý vị được hưởng dịch vụ hỗ trợ ngôn ngữ và các hỗ trợ khác miễn phí. Nếu quý vị cần hỗ trợ bằng ngôn ngữ của mình hoặc hỗ trợ khác, xin vui lòng liên hệ DELC qua số 503-947-1400.